

PHẬT NÓI KINH TIÊU TRỪ NHẤT THIẾT TẠI CHƯỞNG BẢO KẾ ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Có Đà La Ni tên là **Bảo Kế** hay cho chúng sinh làm lợi ích lớn, hay diệt nghiệp tội cực nặng của chúng sinh.

Này A Nan! Xưa kia Đê Thích đánh nhau với Tu La thời Đê Thích bị thua, bỏ chạy, sợ hãi vô lượng. Khi ấy Đê Thích vội vã đi đến nơi Phật ngự, buồn bã thưa với Ta rằng: “*Thế Tôn! Xin Đức Đại Từ Nguyện hãy rủ lòng thương, con sợ Tu La nên chẳng thể an trụ. Nguyện xin Đấng Đại Từ ban cho con sự an ổn!.....*”

A Nan! Ta nghe Đê Thích nói xong, liền bảo rằng: Ông đừng sợ hãi, Ta sẽ chỉ cách ủng hộ ông. Này Thiên Chủ! Ở kiếp quá khứ có Thế Giới của Phật, tên là **Quán Chiếu**. Cõi ấy có Đức Phật, tên là **Quán Tự Tại Như Lai**. Đức Phật đó đã truyền **Bảo Kế Đà La Ni** này cho Ta. Đà La Ni ấy được một câu chi Phật khác miệng cùng lời diễn nói, có uy lực lớn hay giáng cát tường.

Nếu lại có người viết chép, đội trên đỉnh đầu, đọc tụng, thọ trì. Ta biết người ấy diệt tất cả tội, tăng vô lượng Phước, thường tự ủng hộ và hay làm lợi cho người khác.

Này Thiên Chủ! Ông thường ghi nhớ, viết chép, đội trên đỉnh đầu sẽ khiến cho việc làm của ông, tất cả tùy tâm. Đà La Ni Vương này cũng có tên là **Tùy Cầu** hay cho chúng sinh Thiện lợi tối thượng. A Tu La kia sẽ tự dừng tâm, giả sử đi đến đánh nhau, cũng tự lui tan, bị giáng phục. Ta sẽ vì ông nói **Bảo Kế Đà La Ni** là:

- 1_ **Nam mô một đà dã** (NAMO BUDDHĀYA)
- 2_ **Nam mô đạt lệ-ma dã** (NAMO DHARMĀYA)
- 3_ **Nam mô tăng già dã** (NAMO SAṄGHĀYA)
- 4_ **Nam mô tát bát-đa năng, tam miệu ngật-tam một đà năng** (NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHĀNĀM)
- 5_ **Tát thất-la phộc ca tăng già năng** (SAŚRĀVAKA SAṄGHĀNĀM)
- 6_ **Tát lệ-phộc một đà mạo đề tát đỏa nan tả** (SARVA BUDDHA BODHI-SATTVĀNĀM CA)
- 7_ **Đát ninh tha** (TADYATHĀ)
- 8_ **Án, nhạ dã cát lệ** (OM_ JAYA KĀRI)
- 9_ **Một độ đá la ni** (BUDDHA UTTĀRANI)
- 10_ **Bát vĩ đát-la mục cật** (PAVITRA MUKHE)
- 11_ **Tát lệ-phộc măng nga la, đà la tả** (SARVA MAṄGALA DHĀRASYA)
- 12_ **Di mộ đế, na na, lãng ca la, ni bộ thủy đế** (MŪRTE NĀNĀLAMKĀRA VIBHŪṢITE)
- 13_ **Tát hạ tát-la bộ di** (SAHASRA BHŪJE)
- 14_ **Tát hạ tát-la nễ đề-lệ** (SAHASRA NETRE)
- 15_ **Tát hạ tát-la thất lệ** (SAHASRA ŚĪRṢE)
- 16_ **Ma ni, dân noa lệ** (MAṆI KUNḌALI)
- 17_ **Tán noa hạ, tán nại đề** (SAMNĀHA SAMNADDHE)
- 18_ **Vĩ tức đát-la mạo lê đạt lệ** (VICITRA MAULI DHARĪ)
- 19_ **Tán nại-la, tố lệ-dã, a đề lệ kế** (CANDRA, SŪRYA, ATIREKE)

- 20_ A ca xá, nga nga na, tả li ni (ĀKĀŚA GAGANA CĀRIṆI)
21_ Mãng nga la, thất la di, mộ đế (MAṄGALA ŚIRAJE MŪRTE)
22_ Bát vĩ đất-la ngật-li đa, mãng nga lệ (PAVITRA KṚTA MAṄGALE)
23_ Bộ li di đà yết la ni (BHŪRI MEDHĀ KARANI)
24_ Tô lô, tổ lô (CURU CURU)
25_ Thuế đa bát trí (ŚVETA-PATI)
26_ Di lô, di lô (MERU MERU)
27_ Thuế đa phộc na đề (ŚVETA VANADDHE)
28_ Hồ lô, hồ lô (HURU HURU)
29_ Bát vĩ đất-la mục cật (PAVITRA MUKHE)
30_ Cổ lô, cổ lô (KURU KURU)
31_ Tán nại-la mục cật (CANDRA MUKHE)
32_ A nễ đa phộc xá phộc li-đề nễ (ĀDITYA VAŚA VARTINI)
33_ Tầm bà nễ (JAMBHANI)
34_ Mãng nga la, đà la ni (MAṄGALA DHĀRAṆĪ)
35_ Tắc-đảm bà nễ (STAMBHANI)
36_ Tát li-phộc vĩ ninh đạt la ma đế (SARVA VIDYA-DHĀRA MĀTE)
37_ Mô hạ nễ (MOHANI)
38_ A mô già, bá xả, hạ tất đế (AMOGHA-PĀŚA HASTE)
39_ Tát li-phộc bạt dã, vĩ mộ tả nễ (SARVA BHAYA VIMOCANI)
40_ La nhạ, tuu la nghi-nễ (RĀJA CORA AGNI)
41_ Vĩ sơ na ca, bạt dã, bát-la thiết ma nễ (VIṢODAKA BHAYA PRAŚAMANI)
42_ Ca khô li-na, nễ phộc la ni (KĀKHORDA NIVĀRAṆI)
43_ An, tức li, tức li (OM _HIRI HIRI)
44_ Nhạ dã ca li (JAYA KĀRI)
45_ Phộc la ca li (BALA KĀRI)
46_ Đạt na ca li (DHANA KĀRI)
47_ Đế nhạ tắc-ca li (TEJAS KĀRI)
48_ Vĩ phộc na, bát-la thiết ma nễ (VIVĀDA PRAŚAMANI)
49_ Một đà, nễ phộc la ni (BUDDHA NIVĀRAṆI)
50_ Bát la tác ngật-la, bát-la thiết ma nễ (PARACAKRA PRAŚAMANI)
51_ Bát la tát ninh, nễ phộc la ni (PRASAINYA NIVĀRAṆI)
52_ Một đà đá la ni (BUDDHA UTTĀRAṆI)
53_ Bát-la bộ đa, phệ la, ma ni, ma ni (PRABHŪTA VELA MAṆI MAṆI)
54_ Ma hạ ma ni (MAHĀ-MANĪ)
55_ Ma ni, mãn đà năng (MAṆI BANDHĀNĀM)
56_ Đề-li lộ ca, lộ ca cát li (TRILOKA, ĀLOKA KĀRI)
57_ Đề-li bồ la na nga la (TRIPURA NAGARA)
58_ Vĩ đặc-võng sa nễ (VIDHVAMSANI)
59_ Bát-la tát ninh, vĩ nại-la bát ni (PRASAINYA VIDRĀPAṆI)
60_ Tát li-phộc ngật-li đa, ca li-ma nễ tổ nại nễ (SARVA KṚTYĀ KARMA NISŪDANI)
61_ Mê đề năng, bát-la thiết ma nễ (VYĀDHNĀM PRAŚAMANI)
62_ An, tức lệ (OM _CILI)
63_ Mật lệ (MILI)
64_ Vĩ lệ, sa-phộc hạ (VIRI SVĀHĀ)
65_ Tức lý, mật lý, sa-phộc hạ (CILI MILI SVĀHĀ)

- 66_ **Tả cật lý (CAKRI)**
67_ **Tả cật lý, sa-phộc hạ (CAKRI SVĀHĀ)**
68_ **Tán noa lý, di trí nễ, sa-phộc hạ (CAṄDALI MIṬINI SVĀHĀ)**
69_ **Ồ li-đà kê thấ, bãng nga lệ (URDHA KEŚI PIṄGALE)**
70_ **Bãng nga la, xuy nại đề, mục cật, sa-phộc hạ (PIṄGALA VĀNADDHE MUKHĒ SVĀHĀ)**
71_ **Sa la, sa la (SARA SARA)**
72_ **Túc li, túc li (SIRI SIRI)**
73_ **Tô lỗ, tô lỗ (SURU SURU)**
74_ **Môn tả, môn tả (MUÑCA MUÑCA)**
75_ **Môn tả bát dã (MUÑCĀPAYA)**
76_ **Bát-la thiết ma dã (PRAŚAMĀYA)**
77_ **Một độ đa la ni, phát tra (BUDDHA UTTĀRAṆI PHATṬ)**
78_ **Túc đa nễ li-ma, ca la ni, phát tra (CITTA NIRMALA KARAṆI PHATṬ)**
79_ **A tô la, nễ li-già đát nễ, phát tra (ASURA NIRGHĀTANI PHATṬ)**
80_ **Nhạ dã yết li, phát tra (JAYA KĀRI PHATṬ)**
81_ **Thấ-li yết li, phát tra (ŚRĪ KĀRI PHATṬ)**
82_ **Tát hạ tát-la thấ li, phát tra (SAHASRA ŚĪRṢE PHATṬ)**
83_ **Tát hạ tát-la phóng di, phát tra (SAHASRA BHŪJE PHATṬ)**
84_ **Tát hạ tát-la nê đề-li, phát tra (SAHASRA NETRE PHATṬ)**
85_ **Tát li-phộc vĩ ninh đạt la, na mạc tắc ngật-li đỏi, phát tra (SARVA VIDYA-DHĀRA NAMASKṚTAI PHATṬ)**
86_ **Tát li-phộc thiết đố-t-lỗ , na thiết nễ, phát tra (SARVA ŚATRŪ NĀŚANI PHATṬ)**
87_ **Tát li-phộc bạt dã, vĩ mô xoa ni, phát tra (SARVA BHAYA VIMOKṢAṆI PHATṬ)**
88_ **Bát-li tắc ngật-la, nễ phộc la ni, phát tra (PARACAKRA NIVĀRAṆI PHATṬ)**
89_ **Bát la tát ninh, vĩ nại-la bát ni, phát tra (PRASAINYA VIDRĀPAṆI PHATṬ)**
90_ **Tát li-phộc mê đề, bát-la thiết ma nễ, phát tra (SARVA VYĀDHI PRAŚAMANI PHATṬ)**
91_ **Tát li-phộc ngật-la hô tha nại nễ, phát tra (SARVA GRAHOCCHEDANI PHATṬ)**
92_ **Lạc xoa, lạc xoa, ma ma, tát li-phộc một đà mạo địa tát đỏa năng đế hạ sa (RAKṢA RAKṢA MAMA SARVA BUDDHA BODHI-SATTVĀNĀM TEJASA)**
93_ **Tát ma đa tát đề-li noãn (SAMĀTTA BHĪ TRṆAM)**
94_ **Tát nột tứ đề-li noãn (SADURHRD TRṆAM)**
95_ **Tổ bát sa-tha dĩ ca năng (SUPASTHĀYIKĀNĀM)**
96_ **Tát ba li phộc la noãn (SAPARIVĀRĀNĀM)**
97_ **Đế hạ sa, tát li-phộc mê đề năng (TEJASĀ SARVA VYĀDHINĀM)**
98_ **Tát li-phộc thiết li lăm (SARVA ŚĀRĪRAM)**
99_ **Tát li-phộc bạt du bát nại-la phệ tỳ-dược (SARVA BHAYA UPADRAVEBHYAḤ)**
100_ **Tát li-phộc dục đề tỳ-dược (SARVA YUDDHEBHYAḤ)**
101_ **Tát li-phộc mê đề tỳ-dược (SARVA VYĀDHĪBHYAḤ)**
102_ **Tát li-phộc nột ngật-li đế tỳ-dược (SARVA DUSKṚTEBHYAḤ)**

103_ Tát li-phộc ngật-li đa ca khô nhĩ tỳ-được, sa-phộc hạ (SARVA KṚTYA KĀKHORDEBHYAḤ SVĀHĀ)

104_ Tát li-phộc vĩ thí tỳ-được (SARVA VIṢEBHYAḤ)

105_ Tát li-phộc ca dã, tức đa, bễ noa tỳ-được thất tả (SARVA KĀRYA CITTA PIDEBHYAḤ ŚCA)

106_ Lạc xoa, lạc xoa, ma ma, sa-phộc hạ (RAKṢA RAKṢA MAMA SVĀHĀ)

Khi Thiên Đế Thích được Đà La Ni này xong thời vui vẻ, đội trên đỉnh đầu, ghi nhớ thọ trì, thường với quyến thuộc an lạc mà trụ

Này A Nan! Đà La Ni này có uy lực rộng lớn, chẳng riêng giáng phục A Tu La Vương cho đến tất cả Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, Ca Lô La, Khẩn Na La với Bộ Đa, Phệ Đa Noa.... Náo loạn chúng sinh. Dùng uy lực của Đà La Ni này ủng hộ nên chẳng thể gây hại.

Lại nữa hay trừ đói khát, bệnh tật, thuốc độc, chết yếu, nằm mộng chẳng lành, Quỷ ác gây kinh sợ.

Hoặc lại có người cầu tài bảo, hoặc cầu con. Trì tụng Đà La Ni này đều được tùy ý, tài bảo vô lượng, quyến thuộc tăng ích.

A Nan! Công Đức thù thắng của Đà La Ni này. Nếu Ta nói đủ , cũng chẳng thể cùng tận”

Bấy giờ, A Nan nghe Đức Phật nói Đà La Ni này xong thời chí tâm thọ trì, lễ Phật rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH
TIÊU TRỪ NHẤT THIẾT TẠI CHƯÓNG BẢO KẾ ĐÀ LA NI
Hết
Hết

20/09/2005